

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/DS-ST
Ngày: 24/10/2019
V/v tranh chấp Đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Liêng Thị Hồng Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Tổng

2. Ông Nguyễn Hùng Phước

- Thư ký phiên tòa: bà Đinh Thanh Thảo, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ

Ngày 24 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp Đòi lại tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 113/2019/QĐST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự :

Nguyên đơn: ông **Nguyễn Duy B**, sinh năm 1978

Địa chỉ: X hẻm V, khu phố Y, phường Q, quận Z, thành phố Hồ Chí Minh
– Có mặt.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1983, địa chỉ: ấp T, xã A, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 21/3/2019) – Có mặt.

Bị đơn: ông **Lê Vũ L**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Y ấp B, xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn – ông Nguyễn Duy B trình bày: năm 2016 ông quen biết với ông Lê Vũ L trong việc buôn bán chuỗi xuất khẩu, đến tháng 8/2018 ông L ngỏ ý muốn ông hùn vốn buôn bán. Ông đồng ý góp vốn với tổng số tiền là 79.000.000 đồng, đưa thành 03 đợt: ngày 03/8/2018 số tiền 35.000.000 đồng, ngày 08/8/2018 số tiền 6.500.000 đồng, ngày 20/8/2018 số tiền 37.500.000 đồng. Hai bên thống nhất thỏa thuận trừ chi phí hàng tháng ông L chia lợi nhuận

cho ông bằng số tiền 11.000.000 đồng. Sau đó ông L không chia lợi nhuận như đã thỏa thuận nên ông xin rút vốn, ông L đồng ý và hẹn trả đủ số tiền vốn trước tháng 01/2019. Đến nay ông L không thực hiện việc trả vốn nên ông khởi kiện yêu cầu ông L trả cho ông số tiền 79.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện ngày 04/4/2019 ông Nguyễn Duy B yêu cầu ông Lê Vũ L trả số tiền góp vốn là 79.000.000 đồng. Tòa án nhân dân huyện P đã thụ lý vụ án Tranh chấp hợp đồng góp vốn để giải quyết theo thẩm quyền. Tuy nhiên, giữa ông B và ông L chỉ thỏa thuận miệng về việc góp vốn mà không lập thành văn bản hay có chứng cứ nào thể hiện hợp đồng hợp tác, vì vậy quan hệ pháp luật của vụ án được xác định là “Đòi lại tài sản”.

[2] Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 07/8/2019, ngày 09/9/2019 nhưng ông L đều vắng mặt nên vụ án không hòa giải được. Tòa án đưa vụ án ra xét xử, triệu tập ông L tham gia phiên tòa ngày 30/9/2019, ngày 24/10/2019 nhưng ông L không đến tham dự nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Theo ông B trình bày giữa ông và ông L có thỏa thuận góp vốn buôn bán, ông đã đưa cho ông L số tiền tổng cộng là 79.000.000 đồng, thỏa thuận mỗi tháng sau khi trừ chi phí ông L chia lợi nhuận cho ông số tiền 11.000.000 đồng. Do ông L không thực hiện chia lợi nhuận, ông B đề nghị rút vốn, ông L đồng ý và hứa trả lại vốn cho nguyên đơn vào tháng 01/2019 nhưng đến nay chưa thực hiện. Phía ông L không thể hiện ý kiến về giao dịch, hợp đồng với ông B, hai bên không lập thành văn bản hợp đồng hợp tác theo quy định tại Điều 504 Bộ luật dân sự; vì vậy, chưa đủ cơ sở xác định có hợp đồng hợp tác giữa ông B với ông L.

[4] Nguyên đơn cung cấp chứng cứ gồm hai giấy chuyển tiền ngày 03/8/2018 số tiền 35.000.000 đồng, “nội dung: anh B chuyển tiền cho L ký hợp đồng với công ty T (hợp đồng ký quỹ)”, giấy chuyển tiền ngày 08/8/2018 số tiền 6.500.000 đồng, “nội dung: anh B chuyển tiền cho L ký hợp đồng và vốn mua hàng”; và B nhận ngày 20/8/2018 số tiền 37.500.000 đồng, “lý do: ký quỹ làm ăn”. Như vậy, ông B có giao dịch đưa tiền cho ông L 03 lần với tổng số tiền là 79.000.000 đồng, lý do chuyển tiền được ghi là ký quỹ, mua hàng, ký hợp đồng với người khác. Ông L đã nhận tiền của ông B, được lợi về tài sản nhưng không hoàn trả, nay ông B khởi kiện đòi lại là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn chịu án phí có giá ngạch 5% tương ứng phần nghĩa vụ phải thực hiện.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Lê Vũ L có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Duy B số tiền 79.000.000 đồng (Bảy mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Án phí dân sự sơ thẩm: ông L nộp 3.950.000 đồng. Ông B được nhận lại số tiền 1.975.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 001275 ngày 12/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND H. P;
- THADS H. P;
- Lưu (HS - 2b).

Liêng Thị Hồng Hoa